

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 01 - 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn,  
chia tài sản chung, nợ chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hà

*Các Thẩm phán:*

Bà Châu Minh Hoàng

Ông Dương Hùng Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:**

Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2024/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 402/2024/HNGĐ-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2024/QĐXX-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Cao H, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Nhà không số, đường Nguyễn Trãi, khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Diệp Hồng G, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lâm Hồng C – Luật sư của Văn phòng luật sư Lâm Hồng Cẩm, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.**

1. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hồng N: Bà Quách Thị Ngọc V, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 18/45 đường L, khóm 5, phường 4, thành phố Cà Mau (có mặt).*

2. Chị Lê Kiều P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phí: Ông Võ Hoàng Kim C, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).*

3. Chị Dương Thị D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị D: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).*

4. Anh Quách Duy T, sinh năm 1982 (có mặt)

5. Chị Nguyễn Hằng N, sinh năm 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 284, Nguyễn Trãi, khóm 3, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lê Kim T, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7. Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp Bùng Binh 1, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1947; Địa chỉ cư trú: Số 10, tổ 31, khu vực 5, phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

10. Bà Mai Thùy D, Sinh năm 1984

Địa chỉ: 974, GRAVENSTEIN AVE SEBASTOPOL CA.USA.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền bà Dương: Anh Quách Duy T, sinh 1982; Địa chỉ cư trú: Số 284, Nguyễn Trãi, khóm 3, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).*

- *Người kháng cáo: Ông Nguyễn Cao H, là nguyên đơn.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Cao H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà G chung sống với nhau năm 1993, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc. Vợ chồng có

một người con chung là cháu Nguyễn Chí Vi, sinh năm 2007. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay đánh đập nhau, ông yêu cầu được ly hôn với bà G. Con ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, trường hợp ở với bà G, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng có các tài sản chung: Nhà và đất tại ấp T xã k, huyện T, tỉnh Cà Mau, giá trị nhà và đất (bao gồm nhà trọ) theo văn bản thỏa thuận ngày 28/6/2024 tổng giá trị 2.531.908.176 đồng, ông đồng ý nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất, đồng ý giao nhà và đất cho bà G.

*Về nợ chung:* Nợ của ông Nguyễn Văn Bê 170.000.000 đồng vay ngày 15/8/2018, việc vay có làm biên nhận, ông là người ký biên nhận vay, bà G không có ký biên nhận, tuy nhiên khi nhận tiền vay từ ông Bê là bà G nhận, ngoài ra không còn ai chứng kiến. Mục đích vay mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Nợ của ông Huỳnh Minh Thiên 200.000.000 đồng vay ngày 30/7/2018 việc vay có làm biên nhận, ông là người ký biên nhận vay, bà G không có ký biên nhận, tuy nhiên khi nhận tiền vay từ ông Thiên là bà G nhận, ngoài ra không còn ai chứng kiến. Mục đích vay mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Nợ của bà Lê Kim T 190.000.000 đồng vay ngày 19/7/2018 việc vay có làm biên nhận, ông là người ký biên nhận vay, bà G không có ký biên nhận, tuy nhiên khi nhận tiền vay từ bà Tính là bà G nhận, ngoài ra không còn ai chứng kiến. Mục đích vay mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Nợ của ông Nguyễn Văn Ba 180.000.000 đồng vay ngày 10/8/2018 việc vay có làm biên nhận, ông là người ký biên nhận vay, bà G không có ký biên nhận, tuy nhiên khi nhận tiền vay từ bà Tính là bà G nhận, ngoài ra không còn ai chứng kiến. Mục đích vay mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Ngoài ra vợ chồng không còn nợ ai khác, lý do trước đây ông không kê các khoản nợ này là do ông muốn tự trả nên không kê nợ.

*Bị đơn bà Diệp Hồng G trình bày:*

Về hôn nhân và con như ông H trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn thời gian chung sống với ông H, ông H thường xuyên đánh đập bà, ông H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, tuy nhiên bà vẫn còn thương ông H và không đồng ý ly hôn ông H, trường hợp tòa án cho ly hôn, con chung bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng có các tài sản chung:

Một căn nhà và đất tại khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Năm 2017 vợ chồng đã chuyển nhượng căn nhà và đất cho ông Tuấn (thị trấn Sông Đốc), giá chuyển nhượng 1.200.000.000 đồng, ông H và bà

có thỏa thuận, ông H đưa cho bà 250.000.000 đồng và một phần đất tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải (đang tranh chấp), ông H nhận số tiền còn lại 1 tỷ đồng.

Bà xác định hiện tại căn nhà và đất tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải là tài sản chung.

Yêu cầu chia tài sản chung bao gồm số tiền chuyển nhượng nhà và đất tại thị trấn Sông Đốc 1.200.000.000 đồng và căn nhà và đất tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải giá trị 2.531.908.176 đồng mỗi người  $\frac{1}{2}$ . Bà yêu cầu nhận nhà và đất tại ấp Trùm Thuật A, giao lại giá trị nhà và đất cho ông H.

Vợ chồng có các khoản nợ chung: Nợ của Lê Kiều P 200.000.000 đồng (vay) vay ngày 10/4/2018 việc vay có làm biên nhận, bà là người ký biên nhận vay, ông H không có ký biên nhận, khi vay tiền ông H không biết. Mục đích vay mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Nợ của Nguyễn Hồng N 200.000.000 đồng (vay) vay ngày 22/6/2018 việc vay có làm biên nhận, bà là người ký biên nhận vay, ông H không có ký biên nhận, khi vay tiền ông H không biết. Mục đích vay mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Nợ của Dương Thị Diễm 100.000.000 đồng (vay) vay ngày 15/7/2018 việc vay có làm biên nhận, bà là người ký biên nhận vay, ông H không có ký biên nhận, khi vay tiền ông H không biết. Mục đích vay mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Nợ của Mai Thùy D 4.000 USA (mượn) mượn năm 2018 việc mượn không có làm biên nhận, chuyển khoản, khi mượn tiền ông H không biết. Mục đích mượn mua vật tư cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A.

Nợ của Quách Duy T, Nguyễn Hằng N 200.000.000 đồng (mượn) mượn năm 2018, việc mượn không có làm biên nhận, không đưa tiền trực tiếp cho bà nhưng anh Tân, chị Ni trả tiền mua bán vật tư xây cất nhà trọ ở ấp Trùm Thuật A. (Cửa hàng vật tư Điền Lợi, khóm 7, thị trấn Sông Đốc), khi mượn tiền ông H không biết.

Việc ông H đưa ra các khoản nợ cho rằng là nợ chung của vợ chồng thì bà không đồng ý vì bà không biết các chủ nợ này, bà cũng không có chứng kiến việc ông H mượn nợ này. Bà và ông H ly thân từ năm 2017.

*Bà Quách Thị Ngọc Vệ trình bày:* Bà Nhiên có cho bà G vay 200.000.000 đồng như bà G trình bày là đúng, việc cho vay ông H không biết. Bà Nhiên yêu cầu ông H và bà G phải có trách nhiệm trả khoản nợ thiếu của bà Nhiên theo như đơn khởi kiện của bà Nhiên. Tại phiên tòa bà Vệ yêu cầu trả thêm lãi đến khi xét xử sơ thẩm là 25.300.000 đồng

*Anh Võ Hoàng Kim Chương trình bày:* Bà Phí có cho bà G vay số tiền 200.000.000 đồng như bà G trình bày là đúng, việc cho vay ông H không biết. Bà Phí yêu cầu ông H và bà G phải có trách nhiệm trả khoản nợ thiếu của bà Phí

theo như đơn khởi kiện của bà Phí. Tại phiên tòa yêu cầu trả thêm lãi đến khi xét xử sơ thẩm là 28.800.000 đồng.

*Ông Nguyễn Trọng Nhân trình bày:* Bà Diễm có cho bà G vay số tiền 100.000.000 đồng như bà G trình bày là đúng, việc cho vay ông H không biết. Bà Diễm yêu cầu ông H và bà G phải có trách nhiệm trả khoản nợ thiếu của bà Diễm theo như đơn khởi kiện của bà Diễm. Tại phiên tòa yêu cầu trả thêm lãi đến khi xét xử sơ thẩm là 34.800.000 đồng.

*Anh Quách Duy T trình bày:* Năm 2018 có trả tiền vật tư xây nhà trọ (Cửa hàng Điền Lợi) số tiền 200.000.000 đồng (cho mượn). Việc cho mượn ông H không biết. Yêu cầu ông H và bà G phải có trách nhiệm trả khoản nợ thiếu 200.000.000 đồng. Chị Dương yêu cầu ông H và bà G có trách nhiệm trả cho chị Dương 4.000 USD (tương đương 92.000.000 đồng).

*Chị Ni trình bày:* Thống nhất theo ý kiến trình bày của chồng chị là anh Tân.

*Chị Lê Thị Đào người đại diện theo ủy quyền của ông Ba, ông Thiên, ông Bê và bà Tính trình bày:*

Ngày 19/7/2018 bà Tính có cho ông H bà G vay 190.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, ông H và bà G đã đóng 3 tháng tiền lãi số tiền 11.400.000 đồng, đến nay không trả. Việc cho vay có làm biên nhận, ông H ký tên, bà G biết khi bà Tính đưa tiền thì bà G có mặt. Giữa ông H, bà Tính và bà G chỉ quen biết không có mối quan hệ bà con gì. Bà Tính yêu cầu ông H và bà G trả số tiền vốn 190.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 19/7/2018 đến 19/12/2023 tổng số tiền 205.100.000 đồng, trừ số tiền đã trả, còn lại 193.610.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 15/7/2018 ông Thiên có cho ông H bà G vay 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, ông H và bà G đã đóng 3 tháng tiền lãi số tiền 12.000.000 đồng, đến nay không trả. Việc cho vay có làm biên nhận, ông H ký tên, bà G biết vì khi đưa tiền thì bà G có mặt. Giữa ông H, ông Thiên có mối quan hệ bà con với ông H. Ông Thiên yêu cầu ông H và bà G trả số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến 19/12/2023 tổng số tiền 203.800.000 đồng (đã trừ số tiền đã đóng 12.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 15/8/2018 ông Bê có cho ông H bà G vay 170.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, ông H và bà G đã đóng 02 tháng tiền lãi số tiền 6.800.000 đồng, đến nay không trả. Việc cho vay có làm biên nhận, ông H ký tên, bà G biết vì khi đưa tiền thì bà G có mặt. Ông Bê yêu cầu ông H và bà G trả số tiền vốn 170.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/8/2018 đến 15/12/2023 tổng số tiền 180.608.000 đồng (đã trừ số tiền đã đóng 6.800.000 đồng) và yêu cầu tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 10/8/2018 ông Ba có cho ông H bà G vay 180.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, ông H và bà G đã đóng 03 tháng tiền lãi số tiền 10.800.000 đồng,

đến nay không trả. Việc cho vay có làm biên nhận, ông H ký tên, bà G biết vì khi đưa tiền thì bà G có mặt. Ông Ba yêu cầu ông H và bà G trả số tiền vốn 180.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/8/2018 đến 10/12/2023 tổng số tiền 191.232.000 đồng (đã trừ số tiền đã đóng 10.800.000 đồng) và yêu cầu tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 402/2024/HNGĐ-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tđã quyết định (tóm tắt):*

Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Cao H về việc yêu cầu ly hôn với bà Diệp Hồng G.

*Con chung:* Tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí Vi sinh ngày 17/10/2007 cho bà G nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi, ông H không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Chấp nhận yêu cầu của bà Diệp Hồng G đối với ông Nguyễn Cao H về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Bà Diệp Hồng G được quyền quản lý, sử dụng phần nhà và đất tại ấp T xã k, huyện T, tỉnh Cà Mau, đất tại thửa số 01 diện tích 1.070m<sup>2</sup> (thửa số 128 tờ bản đồ địa chính số 17 – Bản đồ năm 2006) tại Bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 16/3/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH TVXD Đo đạc bản đồ Tấn Cường.

Buộc bà Diệp Hồng G giao lại cho ông Nguyễn Cao H số tiền 885.954.088 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Lê Kiều P; chị Nguyễn Hồng Nhiên; chị Dương Thị D và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập chị Mai Thùy Dương, anh Quách Duy T và chị Nguyễn Hằng N đối với ông H và bà G về trách nhiệm trả nợ.

Buộc ông Nguyễn Cao H, bà Diệp Hồng G mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ khoản nợ cho các chủ nợ cụ thể như sau: Mỗi người trả cho chị Nguyễn Hồng Nhiên vốn 205.500.000 đồng, trả cho chị Lê Kiều P tiền vốn 207.200.000 đồng, trả cho chị Dương Thị D 110.200.000 đồng, trả cho anh Quách Duy T, chị Nguyễn Hằng N 200.000.000 đồng, trả cho chị Mai Thùy D 92.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Lê Kiều P; chị Nguyễn Hồng Nhiên; chị Dương Thị D đối với ông H và bà G về trách nhiệm trả nợ lãi cụ thể đối chị Nhiên là 18.700.000 đồng, đối với chị Diễm là 12.000.000 đồng, đối với chị Phí là 21.600.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Ba, ông Nguyễn Văn Bê, bà Lê Kim Tính, ông Huỳnh Minh Thiên yêu cầu ông H, bà G có trách nhiệm trả nợ cho các ông bà.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành, chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 01/10/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Cao H kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cao H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Cao H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông H yêu cầu được đối trừ số tiền khi chuyển nhượng nhà ở thị trấn Sông Đốc còn lại là 533.000.000 đồng, chia số tiền này ông nhận 60%. Các khoản nợ bà Diệp Hồng G kê là nợ không, không đồng ý việc mượn nợ của bà G, yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  tiền thu nhập kinh doanh nhà trọ từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 12 năm 2024 là 1.420.000.000 đồng.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Cao H, thấy rằng:

[2.1] Ông Nguyễn Cao H thống nhất nội dung bản án sơ thẩm về cách chia tài sản chung, ông nhận 60%, bà Diệp Hồng G nhận 40%. Ông Nguyễn Cao H cho rằng khi chuyển nhượng nhà và đất tại thị trấn Sông Đốc giá 1.200.000.000 đồng nhưng trước khi chuyển nhượng ông đã đóng thuế quyền sử dụng đất là 186.000.000 đồng đề nghị được đối trừ, việc đóng thuế này bà G không biết, không thừa nhận, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đóng thuế. Căn cứ hợp đồng mua bán giữa ông và ông Đỗ Văn Tuấn (BL 230) thể hiện nội dung ông Tuấn giao đủ cho ông 1.200.000.000 đồng và hỗ trợ cho ông H thêm 25.000.000 đồng, ngoài tài liệu này ra không có tài liệu nào khác chứng minh số tiền ông H yêu cầu được đối trừ cũng như thoả thuận với ông Tuấn về việc đóng thuế quyền sử dụng đất.

[2.2] Đối với số tiền ông H đề nghị đối trừ 400.000.000 đồng do ông H đưa cho bên vợ trước của ông H nuôi con riêng của ông ăn học, học nghề, và số tiền 81.000.000 đồng mua bảo hiểm cho con chung của hai vợ chồng. Tại phiên tòa, bà G không chấp nhận việc đối trừ với lý do, khi chuyển nhượng nhà và đất ông H nhận 1.000.000.000 đồng, không có việc đối trừ tiền nuôi con, ông H nếu có giao cho bên vợ trước của ông H thì đó là việc tự nguyện của ông H, không liên quan gì đến bà, còn vấn đề mua bảo hiểm cho con chung cũng là việc tự

nguyện của ông H, hiện bảo hiểm này đã ngưng đóng do không còn tiền. Xét lời trình bày của bà G là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H về phần đối trừ giá trị khi chuyển nhượng nhà và đất ở thị trấn Sông Đốc.

[2.3] Đối với nội dung ông Nguyễn Cao H kháng cáo về việc bà Diệp Hồng G thiếu nợ là không, không có thực, ông H không có tài liệu chứng cứ chứng minh thời gian sửa nhà năm 2018 là do ông H trực tiếp trông coi, cũng như nguồn tiền dùng để sửa chữa xây dựng thì ông H cũng không chứng minh được là nguồn tiền chung của vợ chồng đưa vào sửa chữa. Tại phiên tòa ông Nguyễn Cao H cũng thừa nhận tất cả các khoản tiền sửa chữa do bà G là người chi.

Ngoài ra, bà G cung cấp sổ hộ khẩu thể hiện bà chuyển về sinh sống tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải huyện Trà Cờ năm 2017 là do ông H tự thực hiện tách khẩu không có tên ông H, ông H thừa nhận điều này, tuy nhiên ông H cho rằng chuyển khẩu như vậy nhằm mục đích tách ra không liên quan để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng nhà và đất cho thuận tiện, lời trình bày của ông Nguyễn Cao H cũng không có cơ sở vì trên thực tế vào năm 2002 ông Nguyễn Cao H đã xác lập tài sản chung của vợ chồng là phần đất ở Thị Trấn Sông Đốc. Điều này chứng minh được việc bà G và ông H sống ly thân 5 năm đúng như bà G trình bày. Khi ly thân thì bà G mới thực hiện việc sửa chữa và xây nhà nên mới mượn nợ, do đó khi chia tài sản chung là nhà và đất tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải huyện Trà Cờ phải chia đôi số nợ như bản án sơ thẩm quyết định là có căn cứ.

[2.4] Về nội dung trình bày tại tòa của ông Nguyễn Cao H yêu cầu được nhận tiền kinh doanh từ nhà trọ là 710.000.000 đồng. Số tiền này trong quá trình sơ thẩm ông Nguyễn Cao H không đặt ra để cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Cao H không yêu cầu cấp phúc thẩm tiếp tục xem xét. Do cấp phúc không đề cập xem xét yêu cầu này của ông H.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cao H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như phân tích trên, đề nghị của Viện kiểm sát có cơ sở được chấp nhận.

[4] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí phúc thẩm ông Nguyễn Cao H được miễn do là người cao tuổi.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 33, 34, 37, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số



326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cao H. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 402/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xir:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu của bà Diệp Hồng G đối với ông Nguyễn Cao H về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Bà Diệp Hồng G được quyền quản lý, sử dụng phần nhà và đất tại ấp T xã k, huyện T, tỉnh Cà Mau, đất tại thửa số 01 diện tích 1.070m<sup>2</sup> (thửa số 128 tờ bản đồ địa chính số 17 – Bản đồ năm 2006) tại Bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 16/3/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH TVXD Đo đạc bản đồ Tấn Cường.

Buộc bà Diệp Hồng G giao lại cho ông Nguyễn Cao H số tiền 885.954.088 đồng.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Lê Kiều P; chị Nguyễn Hồng Nhiên; chị Dương Thị D và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập chị Mai Thùy Dương, anh Quách Duy T và chị Nguyễn Hằng N đối với ông Nguyễn Cao H và bà Diệp Hồng G về trách nhiệm trả nợ.

Buộc ông Nguyễn Cao H, bà Diệp Hồng G mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ khoản nợ cho chị Nguyễn Hồng N trên số tiền 205.500.000 đồng, trả cho chị Lê Kiều P trên số tiền 207.200.000 đồng, trả cho chị Dương Thị D trên số tiền 110.200.000 đồng, trả cho anh Quách Duy T, chị Nguyễn Hằng N trên số tiền 200.000.000 đồng, trả cho chị Mai Thùy D trên số tiền 92.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Lê Kiều P; chị Nguyễn Hồng Nhiên; chị Dương Thị D đối với ông H và bà G về trách nhiệm trả nợ lãi cụ thể đối chị N là 18.700.000 đồng, đối với chị D là 12.000.000 đồng, đối với chị P là 21.600.000 đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

**3.** Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Ba, ông Nguyễn Văn Bê, bà Lê Kim Tính, ông Huỳnh Minh Thiên yêu cầu ông H, bà G có trách nhiệm trả nợ cho các ông bà.

**4.** Án phí:

*4.1. Án phí sơ thẩm:* ông Nguyễn Cao H, bà Diệp Hồng G được miễn. Ngày 21/12/2022 bà Diệp Hồng G dự nộp tạm ứng án phí số tiền 9.375.000 đồng theo biên lai thu số 0005958 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Chị Lê Kiều P phải chịu án phí 1.080.000 đồng; chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí 935.000 đồng; chị Dương Thị D phải chịu án phí 600.000 đồng. Ngày 04/5/2023, chị Phí dự nộp 5.180.000 đồng (theo biên lai số 0006666), ngày 24/4/2023 chị Nhiên dự nộp 5.138.000 đồng (theo biên lai số 0006623), ngày 04/5/2023 chị Diễm dự nộp 2.755.000 đồng (theo biên lai số 0006667), ngày 24/4/2023 chị Mai Thùy D dự nộp 2.300.000 đồng (theo biên lai số 0006621), ngày 24/4/2023 anh Quách Duy T, chị Nguyễn Hằng N dự nộp 5.000.000 đồng (theo biên lai số 0006622) của Chi cục thi hành án dân sự huyện T được đối trừ, chị Phí được nhận lại 4.100.000 đồng, chị Nhiên được nhận lại 4.203.000 đồng, chị Diễm được nhận lại 2.155.000 đồng, anh Tân, chị Ni được nhận lại 5.000.000 đồng, chị Dương được nhận lại 2.300.000 đồng.

4.2. *Án phí phúc thẩm:* Ông Nguyễn Cao H được miễn.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hải Hà**